

Số: ~~744~~ /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 10 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình:
Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 10126/QĐ-BCA-H02 ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc phê duyệt dự án tổng thể đầu tư xây dựng Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an quản lý;

Căn cứ Công văn số 4244/BCA-H02 ngày 22/11/2021 của Bộ Công an về việc giao thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế - dự toán và kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các dự án, công trình xây dựng phục vụ an ninh;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-H02-P5 ngày 22/4/2022 của Cục trưởng Cục quản lý xây dựng và doanh trại – Bộ Công an phê duyệt tổng mặt bằng xây dựng Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 1182/H02-P2 ngày 24/3/2022 của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại – Bộ Công an về việc tham gia ý kiến đối với nội dung đầu tư dự án Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2);

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1059/SXD-QLXD ngày 19/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2), với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2).
2. Cấp quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước.
3. Chủ đầu tư: Công an tỉnh.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư: Dự án hoàn thành sẽ đáp ứng cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu làm việc, sinh hoạt, công tác nghiệp vụ của cán bộ, chiến sỹ Trại tạm giam Công an tỉnh. Đáp ứng yêu cầu tạm giữ can phạm, phạm nhân theo quy định pháp luật hiện hành và tạo cảnh quan chung cho khu vực.

- 4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

4.2.1. Trụ sở làm việc: Nhà cấp III (01 trệt, 02 lầu), diện tích xây dựng 576,2m², tổng diện tích sàn xây dựng 1.736m², chiều cao công trình 15,75m. Giao thông trong một tầng bằng hành lang trước, tầng trệt liên thông với 01 sảnh chính và 02 sảnh phụ, giao thông giữa các tầng bằng 02 cầu thang bộ. Kết cấu

chính: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn, sàn mái hiên, sàn mái cầu thang bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch ống không nung. Vật liệu hoàn thiện chính: Tường bả ma tít, sơn nước và sơn nước phun gai hoàn thiện, mái lợp tôn sóng vuông màu để chống nóng và chống thấm, trần vệ sinh các tầng đóng trần thạch cao khung nhôm 600x600, nền lát gạch ceramic, cửa đi, cửa sổ khung nhựa lõi thép. Hệ thống PCCC, hệ thống cấp điện, cấp nước thoát nước và hệ thống chống sét.

4.2.2. Nhà ở doanh trại: Nhà cấp III (01 trệt, 01 lầu), diện tích xây dựng 390,8m², tổng diện tích sàn xây dựng 781,6m², chiều cao công trình 11,65m. Giao thông trong một tầng bằng hành lang trước, giao thông giữa các tầng bằng 01 cầu thang bộ. Kết cấu chính: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn, sàn mái hiên, sàn mái cầu thang bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch ống không nung. Vật liệu hoàn thiện chính: Tường bả ma tít, sơn nước và sơn nước phun gai hoàn thiện, mái lợp tôn sóng vuông màu để chống nóng và chống thấm, trần vệ sinh các tầng đóng trần thạch cao khung nhôm 600x600, nền lát gạch ceramic, cửa đi, cửa sổ khung nhựa lõi thép. Hệ thống PCCC, hệ thống cấp điện, cấp nước thoát nước và hệ thống chống sét.

4.2.3. Nhà ăn, bếp tập thể: Nhà cấp IV (trệt) diện tích sàn xây dựng 323m², chiều cao công trình 8,95m. Kết cấu chính: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch ống không nung. Vật liệu hoàn thiện chính: Tường bả ma tít, sơn nước hoàn thiện, mái lợp tôn sóng vuông màu để chống nóng và chống thấm, đóng trần thạch cao khung nhôm 600x600, nền lát gạch ceramic, cửa đi, cửa sổ khung nhựa lõi thép. Hệ thống PCCC, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và hệ thống chống sét.

4.2.4. Nhà xe chuyên dụng: Nhà cấp IV (trệt) diện tích sàn xây dựng 137,5m², chiều cao công trình 5,65m. Kết cấu chính: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn sê nô bằng bê tông cốt thép. Vật liệu hoàn thiện chính: Tường bả ma tít, sơn nước hoàn thiện, nền bê tông, mái lợp tôn sóng vuông màu để chống nóng và chống thấm. Ngoài ra công trình có hệ thống PCCC, hệ thống cấp điện.

4.2.5. Nhà xe 4 bánh: Nhà cấp IV (trệt) diện tích sàn xây dựng 94,5m², chiều cao công trình 5,2m. Kết cấu chính: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn sê nô bằng bê tông cốt thép. Vật liệu hoàn thiện chính: Tường bả ma tít, sơn nước hoàn thiện, nền bê tông, mái lợp tôn sóng vuông màu để chống nóng và chống thấm. Hệ thống PCCC, hệ thống cấp điện.

4.2.6. Kho hậu cần, vũ khí, kho tổng hợp: Nhà cấp IV (trệt) diện tích sàn xây dựng 127,7m², chiều cao công trình 6,6m. Kết cấu chính: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn mái, sàn sê nô bằng bê tông cốt thép. Vật liệu hoàn thiện chính: Tường bả ma tít, sơn nước hoàn thiện, nền lát gạch ceramic, cửa đi cửa sổ kho vũ khí bằng sắt ốp tôn, các kho còn lại sử dụng cửa nhựa lõi thép, mái lợp tôn sóng vuông màu để chống nóng và chống thấm. Hệ thống PCCC, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống chống sét cục bộ.



4.2.7. Nhà xe 2 bánh cán bộ chiến sĩ: Nhà cấp IV trệt, diện tích xây dựng 175m². Móng bằng bê tông, khung thép hình, mái lợp tôn, nền bê tông.

4.2.8. Nhà xe 2 bánh khách: Nhà cấp IV trệt, diện tích xây dựng 28m², Móng bằng bê tông, khung thép hình, mái lợp tôn, nền bê tông.

4.2.9. Chuồng chó nghiệp vụ: Nhà cấp IV (trệt) diện tích sàn xây dựng 30m², chiều cao công trình 3,8m. Hoàn thiện quét vôi 03 nước màu vàng, nền bê tông. Kết cấu chính: Móng, cột, sàn bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch ống không nung, mái lợp tôn sóng vuông màu để chống nóng và chống thấm.

4.2.10. Các hạng mục khác: Hệ thống cấp thoát nước ngoài và PCCC; Hệ thống xử lý nước thải 60m³/ngày đêm.

4.2.11. Mua sắm thiết bị: Thiết bị PCCC, thiết bị văn phòng, Thiết bị hệ thống xử lý nước thải, Thiết bị hệ thống kiểm soát an ninh.

5. Các tổ chức tư vấn:

- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Xây dựng tư vấn Đầu tư Nam Việt.

- Nhà thầu lập báo cáo khảo sát địa chất: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng CDC.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm: Xã Minh Lập, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 105.000m².

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Từ 20 đến 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4319-2012: Nhà và Công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế.

- TCXD 2737-1995: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 4447-2012: Công tác đất, quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 5718-1993: Mái và sàn bê tông cốt thép trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật chống thấm nước.
- TCVN 9207- 2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- TCVN 9206 - 2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- TCVN 2622-1995: Phòng cháy chống cháy cho nhà ở công trình - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ cửa kim loại.
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- TCVN 4037-2012: Cấp nước - Thuật ngữ và định nghĩa.
- TCVN 4513-1988: Hệ thống cấp nước trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4038-2012: Thoát nước - Thuật ngữ và định nghĩa.
- TCVN 4519-1988: Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình. Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4474-1987: Hệ thống thoát nước trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 02-2009/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- QCVN 05-2008/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về nhà ở và công trình công cộng – an toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 06-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- QCVN 07-2011/BKHCN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông.
- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.
- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.

9. Tổng mức đầu tư dự án: **35.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn)

Trong đó:

- | | |
|------------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng sau thuế: | 22.957.181.500 đồng |
| - Chi phí thiết bị: | 6.125.645.281 đồng |

- Chi phí quản lý dự án: 830.605.533 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.909.974.327 đồng
- Chi phí khác: 291.691.709 đồng
- Chi phí dự phòng: 2.884.901.650 đồng

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư lựa chọn hình thức quản lý dự án theo đúng quy định.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1059 /SXD-QLXD ngày 19/4/2023.

Điều 2. Công an tỉnh là Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng với quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn lập Dự án và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P: KT, TH;
- Lưu VT(Trí-XD08) 3

10. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh